

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TU  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lan Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Mộng Thu

2. Ông Đào Văn Nô.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn S, xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; tạm trú: Tổ 4, khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Công Đ, sinh năm 1989; thường trú: Thôn S, xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; tạm trú: Số 87, Tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa ngày 26/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai cùng yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng từ năm 2019 giữa bà T và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến

nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Mai Công Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Khánh L, sinh ngày 26/9/2011. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu T đồng ý để ông Mai Công Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng thời gian từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Công Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, tại bản tự khai ngày 04/6/2020 ông Đ trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đ và bà Nguyễn Thị Thu T không có hạnh phúc, vợ chồng đang sống ly thân, ông Đ đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông Mai Công Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Khánh L, sinh ngày 26/9/2011, đồng ý bà Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Mai Công Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ đã thỏa thuận ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Khánh L, sinh ngày 26/9/2011, bà Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nội dung thỏa thuận của bà T và ông Đ không trái đạo đức và pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Công Đ và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con sau khi ly hôn nên. Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh ngày 14/5/2020 của Tòa án, ông Mai Công Đ đang cư trú tại địa chỉ: Số 87, Tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng Đ hợp pháp cho bị đơn ông Mai Công Đ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 04/6/2020, ông Mai Công Đ có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa ngày 26/4/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông Đ xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay.

Tòa án đã triệu tập ông Đ và bà T tham gia các buổi hòa giải nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình của bà T, tuy nhiên ông Đ chỉ làm bản tự khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T và có đơn yêu cầu giải Tòa án quyết vụ án vắng mặt. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ không có thiện chí mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 14/5/2020, Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà T và ông Đ vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn ông Mai Công Đ có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Con chung tên Mai Khánh L, sinh ngày 26/9/2011 hiện nay đang sống với ông Mai Công Đ. Bà T và ông Đ thống nhất để ông Mai Công Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly*

*hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Tại bản tự khai ngày 24/5/2020, cháu Mai Khánh L có nguyện vọng được ở với ba và ông bà nội để thuận lợi việc học hành. Xét thấy, nguyện vọng của cháu L không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Mai Công Đ;

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Mai Công Đ.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Mai Khánh L, sinh ngày 26/9/2011 cho ông Mai Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung Mai Khánh L đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Mai Công Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu T lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Mai Công Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Nguyễn Thị Thu T. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037793, ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, bà T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Mai Công Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
Đã ký**

**Đỗ Thị Lan Hương**